

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 660/2022/HC-PT
Ngày: 19-8-2022
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu
bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 64/2022/TLPT-HC ngày 17/02/2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2021/HC-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1012/2022/QĐPT-HC ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty trách nhiệm hữu hạn T; Địa chỉ: Khu 2, Ấp 3, xã Phú Ngọc, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ liên hệ: 264 Hùng Vương, Khu phố 4, thị trấn Võ Xu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T; Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Lê Quốc Bảo T, sinh năm 1980

2. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: 264 Hùng Vương, Khu phố 4, thị trấn Võ Xu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (theo giấy ủy quyền ngày 28/9/2020, cùng có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Đức L, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Khánh Toàn & Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; Địa chỉ: 48 Nguyễn Du, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (có đơn xin vắng mặt).
2. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tuấn P; Chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Ông Võ Văn L, sinh năm 1963; Địa chỉ: xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

2. Ông Lê Văn L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Trung tâm tư vấn pháp luật Hội Luật gia tỉnh Bình Thuận, 28 Võ Thị Sáu, phường Bình Hưng, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).
2. Công ty cổ phần Bắc Mỹ; Địa chỉ: 2/9 Đường Số 2, Khu Công nghiệp Phan Thiết, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân H; chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Công ty TNHH T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 15/7/2019, Đơn khởi kiện (bổ sung) ngày 24/7/2019 và tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Ngày 16/10/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận có Văn bản số 3244/UBBT-NLN chấp thuận cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T (*sau đây viết tắt là Công ty T*) thực hiện Dự án quy hoạch đầu tư trồng mía tại xã Mê Pu, huyện Đ với quy mô dự án 100ha; trong đó: Diện tích đất Công ty T thuê của Nhà nước là 30ha, diện tích Công ty T đầu tư cho dân và bao tiêu sản phẩm là 70ha.

Trên cơ sở đó, ngày 24/01/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 234/QĐ-CT.UBND thu hồi đất và cho Công ty T thuê để trồng mía với thời hạn là 12 năm.

Năm 2005, Công ty T được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 013567 với diện tích 286.930m², thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/01/2015. Mục đích sử dụng đất là trồng rừng cây

nguyên liệu giấy, trồng cây công nghiệp (mía, bông vải, dâu tằm) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06/12/2001, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 01/10/2004.

Trong suốt thời gian Công ty T thực hiện dự án trồng mía đã được phê duyệt, Công ty đã đầu tư rất nhiều công sức và tiền bạc để cải tạo đất, làm công trình thủy lợi, làm đường, biến khu vực hoang vu thành diện tích trồng mía có giá trị, đóng thuế đầy đủ cho ngân sách của tỉnh, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho bà con xã Mê Pu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Khi hạn thuê đất gần hết Công ty T đã có đơn xin gia hạn sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật để tiếp tục đầu tư lâu dài thì không được chấp nhận.

Ngày 30/5/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1349/QĐ-UBND thu hồi đất đối với dự án trồng mía của Công ty T thuê tại xã Mê Pu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Công ty T khiếu nại quyết định thu hồi đất, ngày 28/11/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 3311/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của Công ty T, quyết định không chấp nhận khiếu nại của Công ty.

Công ty T cho rằng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đối với Công ty T là trái luật vì: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận thu hồi đất để cho doanh nghiệp khác là Công ty cổ phần Bắc Mỹ thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng để khai thác khoáng sản bán đi. Việc này vi phạm nghiêm trọng Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Môi trường, Luật Đầu tư, Luật Quy hoạch và gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Doanh nghiệp; Công ty T có nguyện vọng đầu tư lâu dài và đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Ủy ban nhân dân tỉnh khi tỉnh có thay đổi mục đích sử dụng đất, loại hình đầu tư nhưng không được chấp thuận.

Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc thu hồi đất đối với dự án trồng mía của Công ty T thuê tại xã Mê Pu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; hủy Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Công ty T; buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành quyết định gia hạn sử dụng đất cho Công ty T theo đúng quy định của pháp luật và đền bù thiệt hại cho Công ty T trong thời gian bị ngừng hoạt động.

Người bị kiện ban hành Công văn số 3003/UBND-NCKSTTHC ngày 14/8/2019 ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận có văn bản nêu ý kiến về vụ án:

Tại Công văn số 3853/STNMT-TTr ngày 28/8/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận có ý kiến như sau: Vụ việc Công ty T khiếu nại Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc thu hồi đất đối với dự án trồng mía của Công ty T thuê tại

xã Mê Pu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; căn cứ kết quả xác minh, làm việc, các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ; Sở Tài nguyên và Môi trường đã có báo cáo kết quả xác minh số 283/BC-STNMT ngày 04/10/2018. Qua xem xét, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức đối thoại với người khiếu nại và ban hành Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 giải quyết khiếu nại của Công ty T (lần đầu). Nội dung giải quyết tại Quyết định số 3311/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận là đúng trình tự, thẩm quyền và đúng với quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ trình bày:

Trên cơ sở Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc thu hồi đất đối với dự án trồng mía của Công ty T thuê tại xã Mê Pu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ đã tiến hành đo đạc, cắm mốc thực địa đối với diện tích đất được giao quản lý.

Ngày 29/6/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ được nhận bàn giao từ Sở Tài nguyên và Môi trường Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 30/5/2018, về việc thu hồi đất đối với dự án trồng mía của Công ty T thuê tại xã Mê Pu, huyện Đ, theo Khoản 3, Điều 2 của Quyết định số 1349/QĐ-UBND có nêu: “*Giao 286.930m² đất đã thu hồi tại Điều 1 nói trên cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ quản lý theo quy định tại Điều 68 Luật Đất đai 2013*”. Ngày 04/7/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường có thông báo số 560/TB-STNMT về việc xử lý tài sản trên đất đối với dự án trồng mía của Công ty T, trong đó đề nghị Công ty T tổ chức thực hiện xử lý tháo dỡ nhà, tài sản và tận thu cây cối hoa màu trên đất đã thu hồi, thời gian thực hiện đến hết ngày 20/7/2018. Tuy nhiên Công ty T không thực hiện theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường. Sau đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân xã Mê Pu nhiều lần làm việc và yêu cầu Công ty T bàn giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý theo Quyết định số 1349/QĐ-UBND nhưng đến nay Công ty T vẫn không chấp hành bàn giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý. Từ đó đến nay, Công ty T vẫn đang canh tác hoa màu trên đất cho nên Trung tâm Phát triển quỹ đất vẫn chưa quản lý quỹ đất này tại thực địa.

Do chưa quản lý diện tích 286.930m² đất thu hồi từ dự án trồng mía của Công ty T nên việc có chồng lấn lên phần diện tích đất thu hồi và giao cho Công ty Cổ phần Bắc Mỹ thuê đất để khai thác sét gạch ngói tại xã Mê Pu, huyện Đ theo Quyết định 1424/QĐ-UBND ngày 25/4/2014 hay không Trung tâm Phát triển quỹ đất không rõ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Bắc Mỹ trình bày:

Công ty Cổ phần Bắc Mỹ (sau đây gọi tắt là Công ty Bắc Mỹ) được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp giấy phép khai thác số 3528/GP-UBND ngày 22/12/2008 với diện tích là 40 ha, trong đó có chồng lấn lên diện tích mà Ủy ban

nhân dân tỉnh Bình Thuận cho Công ty T thuê là 4,4ha. Hiện nay, Công ty Bắc Mỹ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước trên tổng diện tích này.

Tại Biên bản đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/6/2020 do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tiến hành đã xác định: Trên diện tích 286.930m² có một phần diện tích đất đang trồng lúa (khoảng 30 ngày); một phần đất có lúa đang chín, một phần diện tích đất trồng lúa (đã thu hoạch), một phần diện tích đất trồng hoa màu (bí, chanh) đã thu hoạch; phía Nam thửa đất có trồng hàng keo lá trầm làm ranh; bên trong thửa đất có con đường rộng khoản 4 - 5 mét. Ngoài ra, trên đất không có tài sản nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau giải quyết toàn bộ vụ án nhưng người bị kiện được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án lập biên bản không tiến hành đối thoại được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, hủy quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận; đồng thời buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận gia hạn thời hạn sử dụng đất cho Công ty T.

Người khởi kiện rút yêu cầu bồi thường thiệt hại cho Công ty T trong thời gian ngừng hoạt động do việc thu hồi đất gây ra.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Lý do: Việc thu hồi đất không đúng và không có căn cứ pháp luật dẫn đến việc khiếu nại lần đầu không đúng pháp luật, không bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khi đầu tư dự án phát triển nông nghiệp bền vững tại tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tranh luận đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của Công ty T với căn cứ:

Thứ nhất, Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc thu hồi đất đối với dự án trồng mía của Công ty T tại xã Mê Pu, huyện Đ là đúng quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 65 và Khoản 7 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Điểm d Khoản 1 Điều 65, Điểm d Khoản 1 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Thứ hai, Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty T (lần đầu) là đúng quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Thanh tra Chính phủ về việc

sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

Các đương sự khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2021/HC-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tuyên xử như sau:

Căn cứ Điều 3, Điều 7, Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 2, khoản 3 Điều 116, điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 173, Điều 191, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 52, Điều 56, điểm d khoản 1 Điều 65, Điều 66, Điều 126 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 65, khoản 1 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Điều 7, Điều 13 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T về việc buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận phải bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T trong thời gian bị ngừng hoạt động.

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn T, về việc yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc thu hồi đất đối với dự án trồng mía của Công ty T thuê tại xã Mê Pu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;

- Hủy Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Công ty T.

[3] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T về việc buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành quyết định gia hạn sử dụng đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/12/2021, Công ty TNHH T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lê Quốc Bảo T và bà Nguyễn Thị Thu S là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Thu S, ông Lê Quốc Bảo T: Trước khi thuê thì toàn bộ diện tích đất này là đồng hoang, Công ty T đã bỏ ra số tiền rất lớn để cải tạo thành khu đất màu mỡ như hiện nay. Trước khi hết hạn hợp đồng thuê 06 tháng, Công ty đã lập thủ tục xin gia hạn hợp đồng, nhưng mãi đến ngày 16/4/2018 UBND tỉnh Bình Thuận mới ban hành Quyết định số 968, như vậy là quá hạn đã lâu. Các báo cáo thuế từ năm 2009 đến năm 2014 thể hiện Công ty thật sự có năng lực và làm ăn rất hiệu quả. Khi cho thuê thì bên cho thuê giao 30ha đất này cho Công ty với 49 cột mốc, nhưng khi thu hồi thì chỉ có 38 cột mốc, điều này thể hiện UBND tỉnh đã cho một số đơn vị thuê đất trùng lên ranh giới đất đã cho Công ty T thuê. Diện tích đất xung quanh hiện nay đã được UBND giao cho Công ty Bắc Mỹ và một số công ty khác khai thác khoáng sản, đào thành vũng, ao, hồ. Ông Lê Quốc Bảo T, bà Nguyễn Thị Thu S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

2. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T:

Bản án sơ thẩm cho rằng diện tích đất mà Công ty T xin gia hạn thuê không còn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương là không có căn cứ. Vì tại Quyết định số 968 chỉ ra rằng diện tích đất này vẫn là đất nông nghiệp. Do đó, tại thời điểm Công ty T xin gia hạn hợp đồng thì diện tích đất này phù hợp với quy hoạch.

Về năng lực của Công ty T: Công ty đã bỏ ra rất nhiều tiền để đầu tư vào diện tích đất này để phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương. Công ty không vi phạm nghĩa vụ của người thuê đất, nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng huỷ các quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện trong vụ án.

3. Ông Long, ông Lễ:

- Các quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện trong vụ án được ban hành đúng trình tự, thủ tục luật định.

- Về nội dung: UBND tỉnh Bình Thuận không cho Công ty T tiếp tục thuê đất là do thời hạn thuê đã hết, Công ty không có năng lực tài chính, việc đầu tư sản xuất không hiệu quả và không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hiện nay. Việc Công ty T cho rằng UBND tỉnh giao đất cho Công ty Bắc Mỹ chồng lấn với đất đã cho Công ty T thuê là không có căn cứ, vì thực tế là Công ty Bắc Mỹ lấn ra phần đất khác. Ông Long, ông Lễ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ toạ phiên toà, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty T làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Công ty T không có năng lực đầu tư, việc sử dụng đất không hiệu quả, thời hạn cho thuê đã hết và hiện nay việc sử dụng đất của Công ty T không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương. Do đó, UBND tỉnh Bình Thuận không đồng ý gia hạn và thu hồi đất là có căn cứ. Việc Công ty T khiếu nại và UBND tỉnh Bình Thuận ban hành quyết định có nội dung không chấp nhận là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của Công ty T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH T làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận có nội dung thu hồi đất đối với dự án trồng mía của Công ty T thuê tại xã Mê Pu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận có nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu của Công ty T (sau đây viết tắt là Quyết định số 1349/QĐ-UBND và Quyết định số 3311/QĐ-UBND) là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và giải quyết khiếu nại. Ngày 15/7/2019, Công ty TNHH T (sau đây viết tắt là Công ty) khởi kiện yêu cầu huỷ bỏ 02 quyết định nêu trên; đồng thời yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) phải bồi thường thiệt hại cho Công ty trong thời gian bị ngừng hoạt động và buộc UBND tỉnh ban hành quyết định gia hạn sử dụng đất cho Công ty. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý, xét xử vụ án là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Bản án sơ thẩm xác định các Quyết định số 1349/QĐ-UBND và Quyết định số 3311/QĐ-UBND) được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 65, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013;

khoản 1 Điều 65 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 27, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 của Luật Khiếu nại.

[3.2] Xét Quyết định số 1349/QĐ-UBND, nhận thấy:

[3.2.1] Tại Điều 65 Luật Đất đai 2013 quy định:

“1. Các trường hợp thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người bao gồm:

...

d) Đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn;

2. Việc thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều này phải dựa trên các căn cứ sau đây:

...

d) Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này”.

Theo điều luật này thì để thu hồi đất đã cho Công ty thuê trước đây thì UBND tỉnh đã cung cấp được Quyết định số 234/QĐ-CT.UBND ngày 24/01/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận về việc thu hồi đất cho Công ty T thuê để thực hiện dự án trồng mía, thời hạn thuê là 12 năm. Như vậy thời hạn cho thuê đất đã chấm dứt vào năm 2015.

[3.2.2] Tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định:

“2. Nội dung văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất gồm:

a) Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt có liên quan đến dự án (nếu có);

....

d) Đánh giá về khả năng sử dụng đất đảm bảo hiệu quả thông qua việc đánh giá về năng lực thực hiện dự án của chủ đầu tư; tác động môi trường do sử dụng đất; mức độ phù hợp với kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hệ số, mật độ xây dựng, độ cao, độ sâu trong lòng đất đối với dự án xây dựng công trình; mức độ ảnh hưởng đến vấn đề quốc phòng, an ninh (nếu có)”.

So sánh các quy định tại điều luật vừa viện dẫn ở trên và thực tế vụ án, nhận thấy:

- Về quy hoạch sử dụng đất tại địa phương: Tại Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Đ và Quyết định số 968/QĐ-

UBND ngày 16/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Đ, thể hiện diện tích đất thu hồi của Công ty được quy hoạch vào mục đích sản xuất vật liệu xây dựng, làm gốm, đất giao thông và đất nông nghiệp khác. Như vậy, với dự án trồng mía của Công ty là phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hằng năm của huyện Đ đã được phê duyệt.

- Về khả năng sử dụng đất đảm bảo hiệu quả thông qua việc đánh giá về năng lực thực hiện dự án của chủ đầu tư:

Công ty cho rằng đã đầu tư rất nhiều tiền bạc để thực hiện dự án này, nhưng không cung cấp được tài liệu để chứng minh; đồng thời Công ty cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh năng lực của mình. Để có cơ sở thu hồi đất, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận phối hợp với UBND huyện Đ điều tra, xác minh và kết quả cho thấy Công ty làm ăn không hiệu quả, không tạo được sự tin tưởng của nông dân.

Tại cấp phúc thẩm, Công ty cung cấp các Báo cáo thuế từ năm 2009 đến năm 2014 và xác định Công ty đã đầu tư rất nhiều tiền vào dự án, làm ăn hiệu quả. Tuy nhiên qua xem xét các báo cáo thuế nêu trên cho thấy từ năm 2009 đến năm 2014 lợi nhuận chưa phân phối của Công ty chỉ giao động từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng tùy từng năm; các báo cáo thuế này cũng không thể hiện Công ty đã đầu tư tiền bạc vào dự án này. Như vậy với 30ha đất được cho thuê mà lợi nhuận năm cao nhất Công ty thu về chỉ 5.000.000 đồng là rõ ràng không có hiệu quả kinh tế.

[3.2.3] Do thời hạn cho thuê đã chấm dứt vào năm 2015, Công ty không có năng lực và làm ăn không hiệu quả, nên UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1349/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất đã cho Công ty thuê là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.3] Xét Quyết định số 3311/QĐ-UBND, nhận thấy: Do Quyết định thu hồi đất số 1349/QĐ-UBND được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và nội dung phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, khi Công ty khiếu nại quyết định này thì Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3311/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của Công ty là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.4] Đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND tỉnh ban hành quyết định gia hạn sử dụng đất cho Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Do đây không phải hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện, mà chỉ là ý kiến của người khởi kiện. Do đó bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165 Luật Tổ tụng hành chính.

[3.5] Tại phiên toà sơ thẩm Công ty rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND tỉnh bồi thường thiệt hại trong thời gian Công ty bị ngừng hoạt động. Do đó, bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với 02 yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 1349/QĐ-UBND và Quyết định số 3311/QĐ-UBND) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Lê Quốc Bảo T và bà Nguyễn Thị Thu S là người đại diện hợp pháp của Công ty không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới, do đó kháng cáo của Công ty và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty phải chịu án phí theo luật định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2021/HC-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ Điều 3, Điều 7, Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 2, khoản 3 Điều 116, điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 173, Điều 191, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 52, Điều 56, điểm d khoản 1 Điều 65, Điều 66, Điều 126 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 65, khoản 1 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Điều 7, Điều 13 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T, về việc buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH T trong thời gian bị ngừng hoạt động.

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T, về việc buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành quyết định gia hạn sử dụng đất cho Công ty TNHH T theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T, về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, về việc thu hồi đất đối với Dự án trồng mía của Công ty TNHH T đã thuê tại xã Mê Pu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;

- Hủy Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Công ty TNHH T.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 8176 ngày 04/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Công ty TNHH T đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu (3), 18b (Ấn HQ).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Khoa